

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2019
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ngọc Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Sang

Ông Thạch Thanh Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Bảo Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***
Ông Cao Minh Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019. Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐ-ST ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Lưu Thị Bé P, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

- ***Bị đơn:*** Anh Kim Chanh T, sinh năm 1983 (vắng)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

- ***Người phiên dịch:*** Ông Nhan S, Công an viên ấp P, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2019 và bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lưu Thị Bé P là nguyên đơn trình bày: chị với anh Kim Chanh T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T đam mê cờ bạc, hàng ngày anh T làm giáo viên,

tiền lương của anh T lãnh ra không cho vợ, con, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe, đến khoảng tháng 6 năm 2018 hai người ly thân với nhau chị về nhà cha mẹ ruột ở. Tháng 12/2018 chị làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh yêu cầu ly hôn với anh Chanh T, nhưng sau đó anh T năn nỉ và hứa sẽ sửa chữa lỗi lầm nên chị rút đơn khỏi kiện nhưng anh T cũng thay đổi tốt hơn. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Kim Chanh T.

Về con chung: có 01 người con chung là Kim Minh T1, sinh ngày 03/11/2008, hiện đang sống với với chị, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

- 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất của cha mẹ chồng cho, chị đồng ý giao cho anh T sử dụng, chị không yêu cầu chia.

- 05 con bò (bò mẹ và bò tơ) nhưng anh T đã bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên chị không yêu cầu.

- Một miếng đất diện tích 5.468m² thuộc thửa 794, tờ bản đồ số 33, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Chị P khai không có nên không yêu cầu.

* Tại biên bản hòa giải (29/7/2019) và biên bản lấy lời khai (27/8/2019) bị đơn anh Kim Chanh T trình bày; Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị P trình bày là đúng. Quá trình chung sống có hạnh phúc, anh thừa nhận có tham gia cờ bạc đá gà gây nợ nần nên chị P có làm đơn ly hôn nhưng anh năn nỉ và hứa sẽ sửa chữa nên chị P rút đơn không kiện nữa nhưng chị P không tha thứ cho anh và tiếp tục làm đơn ly hôn. Anh hứa sẽ khắc phục không cờ bạc nữa nên anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa 794, diện tích 5.468m² là tài sản chung của vợ chồng, anh không đồng ý chia vì không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh của bà Tô Thị Sa K là mẹ ruột của anh Kim Chanh T trình bày: Vấn đề hôn nhân của vợ chồng Kim Chanh T mâu thuẫn hơn 02 năm nay là do lỗi của Chanh T thường hay tham gia cờ bạc gây nợ nần, gia đình có khuyên can nhiều lần, có lần P làm đơn gửi đến Tòa án yêu cầu ly hôn với T nhưng T hứa sẽ sửa đổi nên P rút đơn nhưng Chanh T cũng không thay đổi. Nay Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật, bà không có ý kiến.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 và 99 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Bé P tuân thủ đúng quy định của pháp luật còn bị đơn anh Kim Chanh T thì không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do; vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 33, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Bé P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Bé P và anh Kim Chanh T được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị Lưu Thị Bé P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Thạch Minh T1, sinh ngày 03/11/2008. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Thửa đất số 794, diện tích 5.468m², tờ bản đồ số 33 được chia cho chị P và anh T mỗi người một nửa (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Về án phí : Đương sự phải chịu theo quy định, trừ trường hợp được miễn nộp hoặc không phải nộp.

- Về chi phí thẩm định: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về hình thức: Lưu Thị Bé P với anh Kim Chanh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị P có đơn ly hôn với anh Chanh T. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu Thị Bé P và anh Kim Chanh T kết hôn với

nhau do hai người tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007. Quá trình chung sống chị P với anh T thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T thường tham gia cờ bạc, đá gà, không lo cho gia đình, chị P có khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe, vợ chồng có nuôi 05 con bò, anh T tự ý bán số bò này để trả nợ do thiếu tiền cờ bạc mà không thông qua ý kiến của chị, từ đó chị không còn tình cảm với anh T nữa, đến tháng 6/2018 hai người ly thân chị về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, xét thấy vợ chồng không thể hòa hợp được, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Kim Chanh T, chị yêu cầu được nuôi một con chung là cháu Kim Minh T1, sinh ngày 03/11/2008 không yêu cầu anh Tra cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với anh Kim Chanh T vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi hai người ly thân từ tháng 6/2018 đến nay anh Tra cũng không có quan tâm, tìm cách hàn gắn tình cảm với chị P và chăm lo cho con. Thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị P, anh cho rằng có năn nỉ kêu chị P trở về chung sống với nhau nhưng chị P không trở về, anh yêu cầu đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào, chị P nhất quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, về hôn nhân chị P cho rằng anh T đã lao vào con đường cờ bạc, không thể bỏ, anh không lo được cuộc sống cho gia đình, hàng ngày chị đi làm công nhân, thu nhập cũng không đủ lo cho gia đình, trong khi đó anh T làm giáo viên, hàng tháng lãnh lương không đem tiền về lo cho gia đình, chị P nhất quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phượng, xử cho chị Lưu Thị Bé P được ly hôn với anh Kim Chanh T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Có một con chung là Kim Minh T1, sinh ngày 03/11/2008, hiện đang sống với chị P, cháu T1 xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyện vọng của cháu T1 xin được sống với mẹ là chị Lưu Thị Bé P. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Kim Minh T1, hiện đang sống với chị P nên cần giao cháu Kim Minh T1 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu T1) là có cơ sở; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Lưu Thị Bé P và anh Kim Chanh T có tài sản chung là thửa 794, diện tích 5.468m², tờ bản đồ số 33, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T, 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất của cha mẹ chồng, do vợ chồng tự bỏ tiền cất, nhưng chưa sang tên tách thửa, 05 con bò (bò mẹ và bò tơ) phần tài sản này chị P, anh T tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Phần căn nhà và 05 con bò chị không yêu cầu chia nên không xem xét.

- Về phần đất thửa 794, diện tích 5.468m², chị yêu cầu chia đôi. Xét thấy; sau khi ly hôn về nguyên tắc tài sản chung sẽ được chia đôi nhưng có cân nhắc đến công sức đóng góp vào khối tài sản chung. Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu chia tài đôi tài sản chung của chị Lưu Thị Bé P đối với thửa 794, diện tích 5.468m² là có cơ sở chấp nhận nên chia cho chị P và anh T mỗi người một nửa diện tích được hưởng 2.734m² (trong diện tích 5.468m²) là phù hợp.

[5] *Về nợ chung*: Chị Lưu Thị Bé P và anh Kim Chanh T khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Lưu Thị Bé P phải nộp 10.936.000 đồng và 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Kim Chanh T phải nộp 10.936.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn là người dân tộc Khmer, sống tại xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lưu Thị Bé P được nhận lại số tiền tạm ứng 2.009.000 đồng mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003128 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc chị Lưu Thị Bé P nộp 2.050.796 đồng, buộc anh Kim Chanh T nộp 2.050.796 đồng.

Xét quan điểm và lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và cũng phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Bé P.

Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Kim Chanh T

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Bé P được ly hôn với anh Kim Chanh T.

- Về con chung: Chị Lưu Thị Bé P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Kim Minh T1, sinh ngày 03/11/2008 (theo nguyện vọng của con), anh Kim Chanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Công nhận và giao cho chị Lưu Thị Bé P được sử dụng một $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất diện tích 2.734m² (trong diện tích 5.468m²) thửa 794, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 33, tọa lạc ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T, đất có tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp kênh, kích thước 11,28 mét.

- + Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 794, kích thước 21,93 mét
- + Hướng nam giáp thửa 795, kích thước lần lượt 25,10 mét; 5,57 mét; 77,74 mét, 33,85 mét.
- + Hướng Bắc giáp thửa 787, 769, kích thước lần lượt 31,00 mét; 108,75 mét
- Công nhận và giao cho anh Thạch Chanh T được hưởng phần đất còn lại của thửa 794, diện tích 2.734m² (trong diện tích 5.468m²), có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Lưu Thị Bé P và bị đơn Thạch Chanh T.

Chị Lưu Thị Bé P được nhận lại số tiền tạm ứng 2.009.000 đồng mà chị P đã nộp theo biên lai thu thu số biên lai thu tiền số 0003128 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Về chi phí thẩm định, định giá:

Buộc chị Lưu Thị Bé P nộp 2.050.796 đồng nhưng chị P đã nộp tạm ứng trước 4.101.592 đồng, buộc anh Kim Chanh T nộp 2.050.796 đồng, số tiền này anh T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để hoàn trả lại cho chị P.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã Đa Lộc;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu